

Phụ lục III**DANH MỤC NHIỆM VỤ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG HẠ TẦNG ĐÔ THỊ ĐỒNG BỘ, HIỆN ĐẠI, LIÊN KẾT, THÍCH ỨNG BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU***(Kèm theo Kế hoạch số 2060 /KH-UBND ngày 08 / 6 / 2023 của UBND tỉnh)*

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Nguồn vốn	Thời gian thực hiện
1	Tổ chức rà soát, điều chỉnh hoặc lập, thẩm định, phê duyệt chương trình phát triển đô thị toàn tỉnh và chương trình phát triển đô thị từng đô thị			
	- Đến năm 2025, 100% các đô thị có quy hoạch chung, quy hoạch phân khu các khu vực nội thị của các đô thị loại III trở lên; đến năm 2030, tiếp tục phủ kín quy hoạch và hoàn thành lập, phê duyệt quy chế quản lý kiến trúc đô thị tại các đô thị trên địa bàn tỉnh.	UBND các huyện, thị xã, thành phố; Sở Xây dựng, UBND tỉnh theo quy định của pháp luật	Ngân sách nhà nước và các nguồn huy động hợp pháp khác	2023-2030
	- 100% các đô thị có Chương trình phát triển đô thị			
	- Rà soát, lập Chương trình phát triển đô thị cho 02 đô thị tiêu biểu, có khả năng chống chịu, giảm phát thải, thông minh, có bản sắc và hoàn thiện điều kiện hạ tầng đô thị	UBND thành phố Phan Thiết, UBND thị xã La Gi		2023
2	Đầu tư phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội các đô thị.			
	- Đến năm 2025, thành phố Phan Thiết và thị xã La Gi đạt khoảng 7 - 10 m ² /người, các đô thị còn lại đạt khoảng 5 - 7 m ² /người; đến năm 2030, thành phố Phan Thiết và thị xã La Gi đạt tối thiểu 10 m ² /người, các đô thị còn lại đạt tối thiểu 7 m ² /người	UBND các huyện, thị xã, thành phố; cơ quan phối hợp: Sở Xây dựng, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Giao thông vận tải và các Sở, ngành liên quan	Ngân sách nhà nước và các nguồn huy động hợp pháp khác	2023-2030
	- Tỷ lệ đất giao thông trên đất xây dựng đô thị: Đến năm 2025, thành phố Phan Thiết đạt khoảng 15% - 22%, thị xã La Gi đạt khoảng 13% - 19%, thị trấn Phan Rí Cửa đạt khoảng 12% - 17%, các đô thị còn lại đạt khoảng 11% - 16%; đến năm 2030, thành phố Phan Thiết đạt tối thiểu 22%, thị xã La Gi đạt tối thiểu 19%, thị trấn Phan Rí Cửa, thị trấn Liên Hương, thị trấn Võ Xu đạt tối thiểu 17%, các đô thị còn lại đạt tối thiểu 16%			
	- Thoát nước và xử lý nước thải đô thị:			

	Tối thiểu tỷ lệ nước thải sinh hoạt được xử lý tại thành phố Phan Thiết đạt 40% - 45% năm 2030.			
3	Cải tạo, chỉnh trang các đô thị vừa và lớn từ loại III trở lên			
	<p>- Ít nhất 02 đô thị từ loại III trở lên hoàn thiện các tiêu chuẩn hạ tầng đô thị theo quy định của pháp luật về phân loại đô thị.</p> <p>- Cải tạo chỉnh trang các phường thuộc đô thị từ loại III trở lên đạt chuẩn.</p>	UBND thành phố Phan Thiết và thị xã La Gi; cơ quan phối hợp: Sở Xây dựng, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Y tế, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các Sở, ngành liên quan	Ngân sách nhà nước và các nguồn huy động hợp pháp khác	2023-2030
4	Thí điểm thực hiện các dự án tái thiết đô thị và nghiên cứu đề xuất thí điểm các mô hình đột phá, đổi mới sáng tạo			
	Thí điểm lựa chọn vị trí, thực hiện dự án tái thiết đô thị tại khu vực trung tâm, tạo khu vực động lực thúc đẩy phát triển kinh tế đô thị; thí điểm các mô hình đột phá, đổi mới sáng tạo thu hút đầu tư phát triển đô thị.	UBND các huyện, thị xã, thành phố; cơ quan phối hợp: Sở Xây dựng, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính và các Sở, ngành liên quan	Thực hiện theo các đề án riêng	2023-2030
5	Đầu tư phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật cấp vùng, liên vùng			
	<p>- Đầu tư các dự án hạ tầng kỹ thuật đầu mối, các dự án cấp nước, xử lý rác thải liên vùng theo quy hoạch vùng;</p> <p>- Đầu tư khép kín các đường vành đai, đường xuyên tâm, hệ thống giao thông công cộng đồng bộ có sức chở lớn, bến, bãi đỗ xe tại các đô thị.</p>	UBND các huyện, thị xã, thành phố; cơ quan phối hợp: Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Giao thông vận tải, Sở Xây dựng, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính và các Sở, ngành liên quan	Thực hiện theo các đề án riêng	2023-2030
6	Đầu tư phát triển đảm bảo an sinh nhà ở			
	Thực hiện các chỉ tiêu đảm bảo an sinh nhà ở theo Chiến lược phát triển nhà ở quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, trong đó diện tích sàn nhà ở bình quân đầu người tại khu vực đô thị đạt tối thiểu 28 m ² vào năm 2025, đến năm 2030 đạt khoảng 30 - 32 m ² /người.	UBND các huyện, thị xã, thành phố; cơ quan phối hợp: Sở Xây dựng và các Sở, ngành liên quan	Thực hiện theo Chương trình phát triển nhà ở tỉnh Bình Thuận đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030 đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết	2021-2030

			định số 2943/QĐ-UBND ngày 01/11/2021	
7	Xây dựng, phát triển đô thị thông minh			
	Thực hiện các nhiệm vụ ưu tiên đến năm 2025, các nhiệm vụ giải pháp đến năm 2030 theo Đề án phát triển đô thị thông minh bền vững Việt Nam giai đoạn 2018 - 2025 và định hướng đến năm 2030 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quyết định số 950/QĐ-TTg ngày 01/8/2018	Theo phân công nhiệm vụ tại Quyết định số 3113/QĐ-UBND ngày 05/12/2019	Thực hiện theo Đề án “Xây dựng đô thị thông minh tỉnh Bình Thuận, giai đoạn 2019 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030” đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 3113/QĐ-UBND ngày 05/12/2019	2019-2030
8	Xây dựng, phát triển đô thị có năng lực chống chịu, ứng phó biến đổi khí hậu, phát triển các công trình xanh, khu đô thị xanh trong đô thị, đảm bảo chất lượng môi trường, giảm phát thải khí nhà kính và tăng trưởng xanh			
	Thực hiện các chương trình, dự án phát triển các đô thị Việt Nam ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021 - 2030 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 438/QĐ-TTg ngày 25/3/2021, nâng cao năng lực chống chịu biến đổi khí hậu của đô thị.	UBND các huyện, thị xã, thành phố; cơ quan phối hợp: Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường và các Sở, ngành có liên quan	Thực hiện theo các đề án riêng	2023-2030
9	Tiếp tục thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới đối với các khu vực nông thôn đô thị hóa			
	Đầu tư xây dựng phát triển mới đất xây dựng đô thị, bao gồm các khu vực nông thôn đô thị hóa được công nhận đạt đô thị loại V.	UBND các huyện, thị xã, thành phố; cơ quan phối hợp: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Theo quy định của Chương trình mục tiêu quốc gia	2023-2025
10	Rà soát tổng thể, sắp xếp lại các thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở tại các đô thị	UBND các huyện, thị xã, thành phố; cơ quan phối hợp: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Ngân sách nhà nước và các nguồn huy động hợp pháp khác	2030
11	Hạn chế xe cá nhân và khuyến khích các phương tiện giao thông công cộng, thân thiện môi trường	UBND các huyện, thị xã, thành phố; cơ quan phối hợp: Sở Giao thông vận tải	Thực hiện theo đề án cụ thể	2030
12	Giảm thiểu, tái sử dụng, tái chế chất thải rắn sinh hoạt tại các đô thị	Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND	Thực hiện theo đề án cụ thể	2030

		các huyện, thị xã, thành phố; cơ quan phối hợp: Các Sở, ngành liên quan		
13	Đề xuất các biện pháp kiểm soát, cải thiện chất lượng không khí	Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND các huyện, thị xã, thành phố; cơ quan phối hợp: Các Sở, ngành liên quan	Thực hiện theo đề án cụ thể	2030
14	Mô hình bảo đảm phát triển hệ thống y tế dự phòng, y tế cơ sở tại đô thị	UBND các huyện, thị xã, thành phố; cơ quan phối hợp: Sở Y tế và các Sở, ngành liên quan	Thực hiện theo đề án cụ thể	2030